

Ngày 31/03/2024	8,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-15.0%	-13.3%	16.4%

	2023	
ROE	2.3%	+/- YoY ▼ 1.1%

	Q1/24		
DT thuần	17.7	QoQ ▲ 2.50 ▲ 16.8%	YoY ▲ 3.90 ▲ 28.6%
	tỷ VNĐ		

	2023	
DT thuần	58.7	YoY ▲ 4.10 ▲ 7.5%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN gộp	5.60	QoQ ▲ 1.87 ▲ 50.1%	YoY ▲ 3.14 ▲ 128%
	tỷ VNĐ		

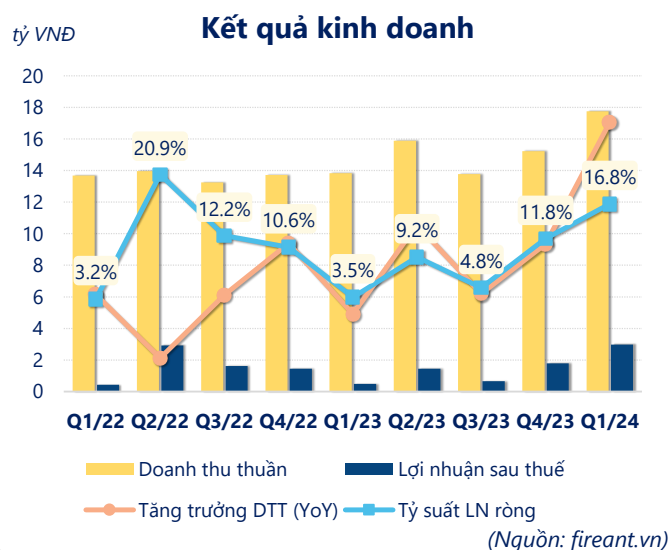
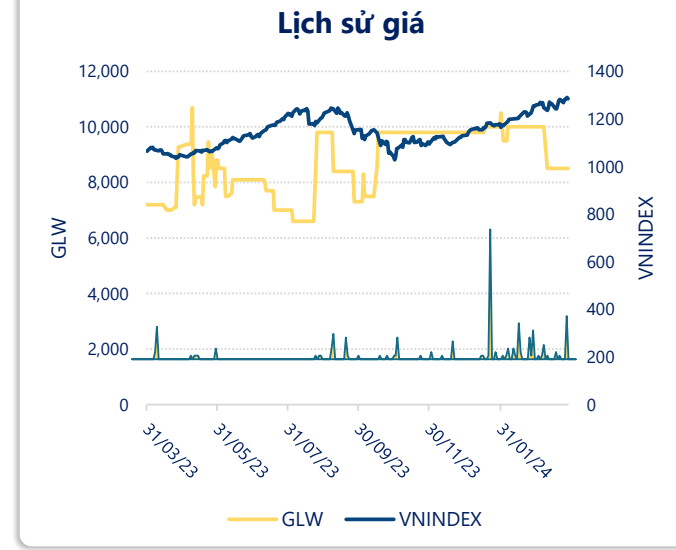
	2023	
LN gộp	13.0	YoY ▲ 2.50 ▲ 24.0%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN thuần	3.37	QoQ ▲ 2.27 ▲ 206%	YoY ▲ 2.87 ▲ 573%
	tỷ VNĐ		

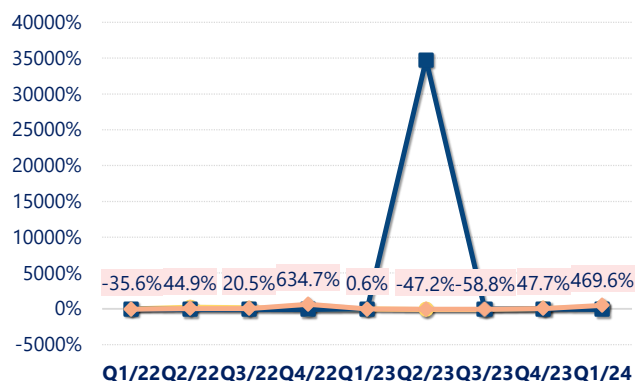
	2023	
LN thuần	3.90	YoY ▲ 1.85 ▲ 90.6%
	tỷ VNĐ	

	Q1/24		
LN sau thuế	2.97	QoQ ▲ 1.18 ▲ 66.2%	YoY ▲ 2.49 ▲ 520%
	tỷ VNĐ		

	2023	
LN sau thuế	4.39	YoY ▼ 2.04 ▼ 31.8%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

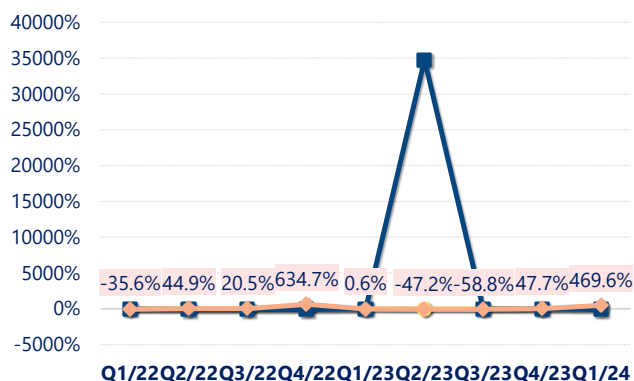


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

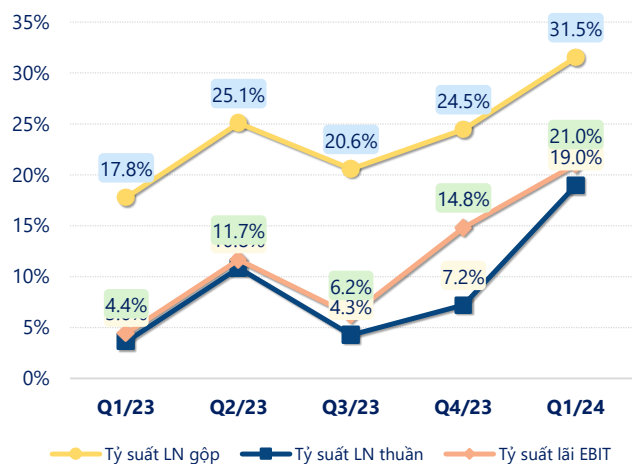


Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

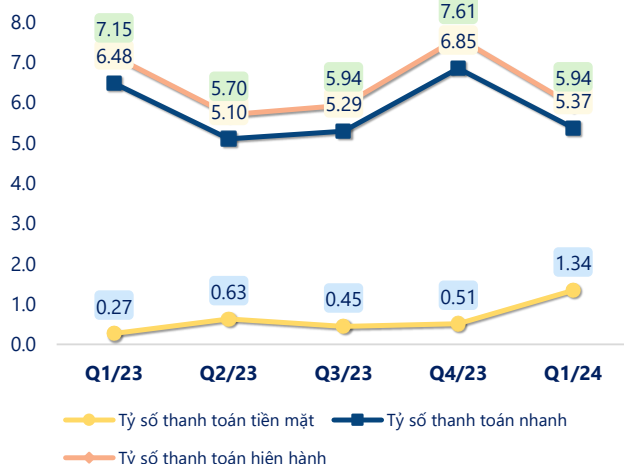


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

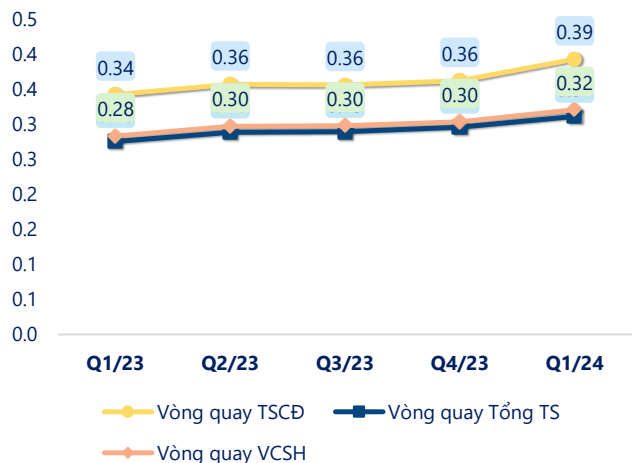


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

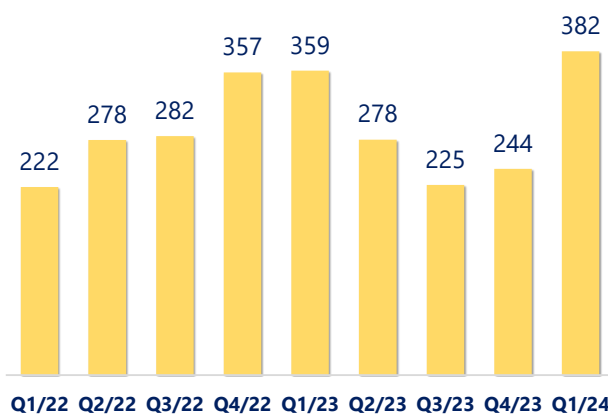


Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q1/22 Q2/22 Q3/22 Q4/22 Q1/23 Q2/23 Q3/23 Q4/23 Q1/24

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	17.7	13.8	28.6%	58.7	54.6	7.5%
Giá vốn hàng bán	12.2	11.4	6.6%	45.7	44.1	3.6%
Lợi nhuận gộp	5.60	2.46	128%	13.0	10.5	24.0%
Doanh thu HĐTC	0.31	0.66	-53.1%	2.17	1.45	49.3%
Chi phí TC	0	0.00		0.00	0.00	-46.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.01	1.13	-10.4%	4.63	4.33	7.0%
Chi phí QLDN	1.53	1.48	3.3%	6.62	5.55	19.3%
LN thuần từ HĐKD	3.37	0.50	573%	3.90	2.05	90.6%
Lợi nhuận khác	0.37	0.11	235%	1.67	6.06	-72.4%
LN trước thuế	3.73	0.61	512%	5.58	8.11	-31.2%
Lợi nhuận sau thuế	2.97	0.48	520%	4.39	6.43	-31.8%
LNST của CĐ cty mẹ	2.97	0.48	520%	4.39	6.43	-31.8%

(Nguồn: fireant.vn)

